

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HOÁ ĐẾN TRUYỀN THỐNG CẦN CÙ, TIẾT KIỆM CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

MAI THỊ QUÝ(*)

Với bề dày lịch sử hàng ngàn năm, dân tộc Việt Nam đã xây dựng cho mình một hệ thống các giá trị truyền thống, trong đó có đức tính cần cù và tiết kiệm. Trong điều kiện hiện nay, toàn cầu hoá, trước hết là toàn cầu hoá kinh tế, đã và đang tác động mạnh mẽ đến các giá trị đó theo những chiều hướng khác nhau, cả tích cực lẫn tiêu cực. Khi đất nước còn nghèo, hơn nữa, còn phải vượt qua muôn vàn thách thức mà quá trình toàn cầu hoá đặt ra, chúng ta cần tiếp tục phát huy đức tính cần cù và tiết kiệm, gắn cần cù với tiết kiệm. Đó vừa là cách để chúng ta khẳng định và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, vừa là phương thức tăng cường nội lực nhằm tạo đà cho sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước.

Có vẻ sẽ thật là ngớ ngẩn nếu như mỗi một người trong chúng ta lại không tự trả lời được những câu hỏi, như chúng ta là ai? chúng ta sinh ra từ cội nguồn nào? chúng ta thuộc về dân tộc nào và chúng ta có gì giống cũng như có gì khác với những con người ở các dân tộc khác?... Thế nhưng, trong điều kiện toàn cầu hoá hiện nay, những câu hỏi tưởng chừng rất đơn giản như vậy lại khó có thể trả lời một cách dễ dàng, chính xác.

Trước tiên, chúng ta cần phải thừa nhận rằng, mỗi một dân tộc trên thế giới đều sinh sống trong những điều kiện tự nhiên và xã hội không hoàn toàn giống nhau, thậm chí còn trái ngược nhau. Cũng chính vì vậy, ở mỗi dân tộc sẽ hình thành một nền văn hoá khác nhau với những phong tục, tập quán, tâm lý, thói quen, truyền thống, chuẩn mực đạo đức, lối sống, tư tưởng... (tức là những ý thức xã hội) khác nhau, phản ánh tồn tại xã hội của chính dân tộc đó.

Trước toàn cầu hoá, sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc cũng đã diễn ra nhưng chủ

yếu còn mang tính cá biệt và tự phát. Giờ đây, tình hình đã thay đổi khi toàn cầu hoá xuất hiện, đặc biệt là toàn cầu hoá đang phát triển mạnh mẽ như trong giai đoạn hiện nay. Với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin, đặc biệt là với sự xuất hiện của mạng thông tin toàn cầu (Internet), thế giới dường như được thu nhỏ lại, ranh giới giữa các quốc gia cũng trở nên mỏng manh và chỉ mang tính tương đối. Toàn cầu hoá đã tạo cơ hội để các dân tộc có thể gần gũi, hiểu biết nhau hơn. Qua đó, mọi dân tộc đều có thể “cho” và “nhận”, nghĩa là họ có thể học tập, tiếp thu những giá trị, tinh hoa của nhau để làm phong phú cho nền văn hoá của chính dân tộc mình.

Tuy nhiên, giá trị bao giờ cũng mang tính lịch sử – cụ thể; vì vậy, một hiện tượng nào đó có thể có giá trị đối với cộng đồng người này mà không có giá trị, thậm chí là phản giá trị đối với cộng đồng người khác. Nhưng, trong toàn cầu hoá, các giá trị

(*) Thạc sĩ triết học, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hoá.

riêng của “thế giới người giàu” vẫn được áp đặt lên “thế giới người nghèo”, buộc họ phải chấp nhận một cách không tự giác mà lối sống thực dụng, hưởng thụ xa hoa là một điển hình. Chính nó đã tác động mạnh mẽ đến những giá trị truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam, trong đó có đức tính *cần cù, tiết kiệm*.

Cần cù là một trong những đức tính nổi bật của người Đông Á, trong đó có Việt Nam. Từ rất sớm, dân tộc Việt Nam đã phải chống chọi lại những điều kiện thiên nhiên vô cùng khắc nghiệt cùng với nạn ngoại xâm giày xéo liên miên. Quá trình đó đã rèn luyện cho người lao động đức tính cần cù “một nắng, hai sương” và tiết kiệm trong sinh hoạt để duy trì cuộc sống và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh “ăn cơm bằng đèn, đi cấy sáng trăng”, “cày đồng đang buổi ban trưa”, hay “tát nước đêm trăng” đã trở nên quá đỗi quen thuộc với mỗi người dân Việt Nam. Đó không chỉ là những hình ảnh đẹp, mà còn thể hiện đức tính cần cù, yêu lao động của nhân dân ta.

Với tính cách một giá trị, cần cù có thể được hiểu là sự nhiệt tình với nghề nghiệp, lòng yêu lao động, yêu công việc; là tinh thần trách nhiệm đối với công việc; là đức tính kiên nhẫn, chịu khó trong lao động... nhằm đạt được kết quả lao động tốt nhất. Trên bình diện xã hội, giá trị cần cù được hiểu là sự đề cao tinh thần yêu lao động, đề cao tính năng động, sáng tạo trong lao động, đề cao hiệu quả của lao động... của cả cộng đồng.

Trong thời kỳ trước đổi mới, những sai lầm trong việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ và sự nóng vội trong việc xây dựng quan hệ sản xuất mới đã ảnh hưởng tiêu cực đến đức tính cần cù truyền thống của người lao

động. Tình trạng “cha chung không ai khóc”, “lắm vãi không ai đóng cửa chùa”, đi làm theo kiểu “tối ngày đầy công”... trở nên phổ biến. Cơ chế phân phối bình quân, cào bằng đã khiến cho người lao động thờ ơ, không thiết tha với công việc và không quan tâm đến kết quả lao động của mình; hiện tượng lãng phí của công, lãng phí thời gian diễn ra khắp nơi dẫn đến sức lao động bị giảm sút, năng suất lao động thấp kém, nền kinh tế suy thoái nghiêm trọng.

Khi chuyển sang kinh tế thị trường, với việc giải quyết đúng đắn một loạt các vấn đề về sở hữu, tổ chức, quản lý, phân phối và cùng với đó là việc tăng cường tính tự chủ của các chủ thể kinh tế, chăm lo đến lợi ích thiết thân của người lao động..., tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mọi người dân đã được kích thích mạnh mẽ. Qua đó, đức tính cần cù, chịu thương, chịu khó cũng được phát huy ở mức độ cao. Với chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước ta, mọi người dân đã chủ động, tích cực, tự giác hăng say lao động với tinh thần trách nhiệm và hiệu quả lao động cao.

Việt Nam bước vào hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn thấp kém, năng suất lao động chưa cao. Chúng ta đang tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhưng về cơ bản, nước ta vẫn còn là một nước nông nghiệp lạc hậu, lao động thủ công chiếm phần lớn, đời sống của đại đa số người dân còn nhiều khó khăn. Trong khi đó, một thách thức lớn mà toàn cầu hoá kinh tế đặt ra là sự cạnh tranh quyết liệt giữa các đối thủ. Hiện nay, ngay cả ở những nước phát triển – những nước có năng lực cạnh tranh tốt – sự tích cực, khẩn

trường trong lao động nhằm đạt năng suất và hiệu quả lao động cao vẫn luôn được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, phẩm chất cần cù của người lao động Việt Nam là một yếu tố thực sự cần thiết để góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, toàn cầu hoá kinh tế đã và đang tác động đến truyền thống cần cù của dân tộc ta theo những chiều hướng khác nhau, vừa tích cực, vừa tiêu cực.

Trước hết, toàn cầu hoá đặt ra những yêu cầu và tạo điều kiện để phát huy đức tính cần cù, yêu lao động của đa số người dân. Điều này thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, trong toàn cầu hoá, các quốc gia, các chủ thể kinh tế phải tham gia vào một cuộc cạnh tranh gay gắt mà muốn thắng lợi, trước hết cần phải nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, lao động với cường độ cao. Đây thực sự là một thách thức không nhỏ đối với Việt Nam, nhất là trong điều kiện nền kinh tế của đất nước còn nhiều khó khăn như hiện nay. Nhưng, nếu không đáp được yêu cầu đó cũng có nghĩa là chúng ta đã tự loại mình ra khỏi cuộc chơi toàn cầu hoá.

Thứ hai, trong toàn cầu hoá, các chi nhánh của các công ty xuyên quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài hoặc có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động ngày càng nhiều ở Việt Nam và sử dụng một lực lượng lao động không nhỏ. Phải thừa nhận rằng, các công ty, xí nghiệp này có cơ chế quản lý lao động và phân phối hợp lý theo kiểu tư bản nên luôn tạo ra được sự khẩn trương, tích cực, năng động và tự giác của người lao động. Đây là một đòi hỏi không chỉ của các chủ thể sử dụng lao động, mà còn là yêu cầu bên trong của

mỗi người lao động nhằm đảm bảo lợi ích của chính họ.

Thứ ba, toàn cầu hoá cũng đem đến cho người lao động nhiều cơ hội tìm việc làm có thu nhập cao ở trong nước, cũng như nước ngoài tùy vào khả năng của mỗi người. Khi đã có việc làm và thu nhập ổn định, người lao động sẽ tích cực lao động hơn, hạn chế cảnh “nhàn cư vi bất thiện” vẫn thường xảy ra khi họ không có hoặc thiếu việc làm.

Thứ tư, trong quá trình toàn cầu hoá, điều kiện lao động ở cả thành thị lẫn nông thôn được cải thiện tốt hơn trước rất nhiều, những thành tựu của khoa học công nghệ được ứng dụng vào sản xuất làm cho lao động nặng nhọc giảm dần, trong khi năng suất lao động lại tăng lên. Người lao động có điều kiện để yêu thích và say mê đối với công việc của mình và do vậy, nhịp sống cũng như không khí lao động ở cả thành thị lẫn nông thôn đã trở nên sôi động hơn nhiều. Theo Tổng cục thống kê, năm 2001, ở nông thôn, số giờ lao động trung bình của một lao động trong một tuần là 21,02 giờ, lúc cao điểm lên tới 54,92 giờ. Đối với những lao động phi nông nghiệp, số giờ lao động trung bình của một lao động trong một tuần là 44,77 giờ. Ngay cả những người trên 60 tuổi cũng làm việc tới 26 – 38 giờ/tuần. Số giờ lao động trung bình như vậy là khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo chúng tôi, đó là một trong những dấu hiệu tích cực, chỉ báo giá trị cần cù của người dân Việt Nam hiện nay.

Mặt khác, toàn cầu hoá cũng đem đến nguy cơ xem nhẹ, hay chí ít là chưa phát huy đúng mức truyền thống cần cù của dân tộc. Có thể thấy rằng, mặc dù tạo cơ hội có việc làm cho không ít người, nhưng toàn

cầu hoá cũng có thể khiến nhiều người không có hoặc mất việc làm do hạn chế về trình độ, không đáp ứng được yêu cầu của công việc hay do công ty bị phá sản, thua lỗ, khủng hoảng trong quá trình cạnh tranh toàn cầu. Trong điều kiện như vậy, người lao động nếu có muốn cần cù e rằng cũng khó; bởi lẽ, họ đã bị mất việc làm, hoặc khó tìm được việc làm.

Thêm nữa, do ảnh hưởng của lối sống thực dụng, hưởng thụ từ bên ngoài tràn vào, một bộ phận lớp trẻ ngày nay quay lưng lại với giá trị truyền thống của dân tộc, thích ăn chơi hưởng thụ xa hoa, lười lao động, hay đòi hỏi mà quên đi nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân mình với gia đình, với xã hội; chỉ muốn “làm chơi” nhưng “ăn thật”, thậm chí không làm mà vẫn có thật nhiều tiền để tiêu xài những thứ tiện nghi sang trọng, đắt tiền.

Một bộ phận sinh viên thời nay rất lười học, học chỉ mang tính chất đối phó, không ít sinh viên do đua đòi mà dẫn đến hư hỏng. Một số thanh, thiếu niên không lo học tập, lao động mà thích sống buông thả với ma túy, với thuốc lắc... Gần đây, tình trạng này đang ở mức báo động. Thậm chí, ngay cả ở các công sở, trong giờ làm việc, nhân viên vẫn có thể “nhờn nhờ” ngoài đường, ở các quán trà hoặc ngồi chơi game trên máy tính. Nhiều thanh thiếu niên có thể ngồi hàng giờ trên mạng, nhưng không phải để học tập hay cập nhật những thông tin cần thiết, mà là để “chat” những chuyện không đâu với những người “quen ảo” một cách vô bổ. Hiện tượng lãng phí thời gian diễn ra khá phổ biến. Đã xuất hiện những suy nghĩ lệch lạc cho rằng, cuộc sống thật là ngắn ngủi, vì vậy cần phải sống gấp, phải hưởng thụ để sau này

khỏi phải hối tiếc, không việc gì phải “nai lưng làm quần quật” cho khổ. Suy nghĩ đó, lối sống đó đã thực sự trở thành nỗi lo ngại đối với tương lai của dân tộc.

Tất nhiên, bản thân việc sử dụng những hàng hoá chất lượng cao hay nhu cầu được sử dụng những hàng hoá đó là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với sự phát triển của xã hội cùng với nhu cầu ngày càng cao của con người. Nhưng, không phải lúc nào và ở đâu, tư tưởng tiêu thụ cũng mang ý nghĩa tích cực. Với những quốc gia mà ở đó, người dân có thu nhập cao thì nhu cầu tiêu thụ vừa nâng cao mức sống của người dân, vừa là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển và trong điều kiện như vậy, nó là một giá trị. Ngược lại, đối với những quốc gia có thu nhập bình quân đầu người thấp như các nước đang phát triển và kém phát triển hiện nay, việc “bắt chước” lối sống của một xã hội tiêu thụ lại là không phù hợp. Sẽ có không ít vấn đề tiêu cực về kinh tế, về xã hội, về tâm lý, về tư tưởng... xảy ra khi người dân có nhu cầu tiêu dùng rất cao, thậm chí là quá cao vượt lên gấp nhiều khả năng thanh toán của họ.

Chính vì vậy, cần phải làm sao cho mọi người dân hiểu rằng, giữa nước ta với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới còn có một khoảng cách rất xa. Bởi thế, để rút ngắn khoảng cách lạc hậu này, chỉ có cách là trong khi thế giới “đi” được một bước thì chúng ta “phải” chạy được hai hoặc ba bước, nếu không chúng ta sẽ lâm vào tình trạng “đi lên trong một cầu thang chạy xuống” mà thôi. Trong điều kiện đó, trước tiên cần phát huy đức tính cần cù vốn có của mỗi người dân Việt Nam. Tất cả chúng ta cần phải chăm chỉ hơn, tích cực hơn, sáng tạo hơn trong lao động, học tập,

công tác để làm giàu cho bản thân và cho đất nước. Theo chúng tôi, bài học của Malaixia là rất có giá trị đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập. M.Mohamed từng nhấn mạnh: “Thế giới đã không hạ cổ đến chúng tôi. Chúng tôi đã phải nắm cổ thế giới và đưa thế giới đến với mình. Chúng tôi đã phải làm việc không mệt mỏi. Việc chúng tôi có một nền kinh tế thông thoáng đến như vậy và một xã hội mở cửa đến như vậy là kết quả của những chính sách thận trọng, của sự quyết tâm bền bỉ và của cả một đại dương mồ hôi nước mắt”(1).

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, chỉ cần cù thôi thì chưa đủ, nó cần phải gắn với sáng tạo và nắm bắt được những công nghệ tiên tiến để áp dụng vào sản xuất. Nếu trước đây cha ông ta nói “năng nhặt, chặt bị”, thì bây giờ chúng ta cần bổ sung rằng: không chỉ “năng nhặt”, mà còn phải “biết nhặt” nữa mới có thể “chặt bị” được.

Trong truyền thống của dân tộc ta, cần cù luôn gắn liền với *tiết kiệm*. Lối sống tiết kiệm xuất phát từ triết lý sống của người Việt Nam rằng, mỗi người phải có trách nhiệm với mình, với gia đình, xã hội và các thế hệ mai sau. Hơn nữa, do cuộc sống quá khó khăn lại không ổn định, nên người Việt Nam thường có tâm lý dành dụm để phòng những trường hợp bất trắc xảy ra theo kiểu “tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn” và ghét thói xa hoa phù phiếm “vung tay quá trán”, “ném tiền qua cửa sổ”, “bóc ngắn, cắn dài” hay “kiếm củi ba năm thiêu một giờ”...

Trong những năm gần đây, do đời sống của đại đa số người dân đã được cải thiện cộng với ảnh hưởng của lối sống phương Tây, nên đã xuất hiện xu hướng lao vào

hưởng thụ, tiêu xài lãng phí, xa hoa cả trong sinh hoạt cá nhân cũng như trong sinh hoạt tập thể. Các nhà hàng mọc lên như nấm với đủ loại “đặc sản”. Người ta kéo đến các nhà hàng ngày càng đông. Có người đến để thưởng thức, nhưng cũng không ít người đến đó chỉ vì muốn chơi sang và thể hiện “đẳng cấp” của mình. Ăn uống không hết thì đổ đi, thậm chí không dùng vẫn gọi chơi cho oai. Cưới xin, ma chay, sinh nhật, giỗ chạp... thì tổ chức linh đình, tốn kém, lãng phí và vì vậy, làm mất cả ý nghĩa tốt đẹp của nó. Nhiều người thấy sợ mỗi khi cầm trong tay một tấm thiệp mời, thay vì thấy mừng cho đôi bạn trẻ. Đó là một thực tế đã và đang xảy ra ở nước ta hiện nay. Thực tế này không những có ảnh hưởng không tốt đến lối sống tiết kiệm vốn có của nhân dân ta, mà còn là một trong những nguyên nhân thúc đẩy con người phải kiếm tiền bằng mọi cách để hưởng thụ, kể cả vi phạm pháp luật hay vi phạm đạo đức.

Đặc biệt, hiện tượng lãng phí của công, tham nhũng để ăn chơi phê phởn, tiêu “tiền chùa” đang nổi lên như một quốc nạn. Về vấn đề này, Đảng ta đã nhận định: “Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển”(2). Ông Il Houng Lee, Trưởng đại diện Quỹ tiền tệ quốc tế IMF tại Việt Nam, đã nhận định rằng, Việt Nam có thể phải mất 197 năm để đuổi kịp

(1) Mahathir Mohamad. *Toàn cầu hoá và những hiện thực mới*. Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2004, tr.72-73.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.63.

Singapo nếu như hai nước cùng giữ mức độ tăng trưởng như hiện nay; rằng, Việt Nam cần phải tiết kiệm hơn nữa để có thể hỗ trợ thêm cho các khoản đầu tư nếu không muốn lệ thuộc hoàn toàn vào vốn nước ngoài(3). Vì vậy, trong điều kiện hiện nay, chúng ta nhất thiết phải cần kiệm để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phải khắc phục xu hướng chạy theo xã hội tiêu dùng, lối sống xa hoa lãng phí. Đó là một trong những nhân tố quyết định thành công trong sự nghiệp đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Cần phải nhận thức rằng, tiết kiệm không có nghĩa là bủn xỉn. Hồ Chí Minh đã phân biệt rõ: “Việc đáng tiêu mà không tiêu là bủn xỉn chứ không phải là tiết kiệm” và nhắc nhở chúng ta rằng: “Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có việc đáng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng”(4).

Trong những năm gần đây, mặc dù nền kinh tế nước ta đã thu được những thành tựu đáng kể, nhưng Việt Nam vẫn còn là một nước nghèo, thu nhập bình quân đầu người ở mức thấp so với các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là ở các vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Chúng ta không thể bắt chước lối sống tiêu xài phung phí khi điều kiện chưa cho phép. Vì vậy, cần phải tích cực động viên người dân tiết kiệm hơn nữa trong tiêu dùng, cũng như trong sản xuất. Để tăng hiệu quả sản xuất, cần tránh hiện tượng lãng phí thời gian và tiền của đang diễn ra tràn lan ở các cơ quan Nhà nước, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc thành phần kinh tế Nhà nước

– thành phần kinh tế được coi là đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay. Nhà nước cần phải có kế hoạch, biện pháp tích cực nhằm tạo ra nhiều việc làm mới hơn nữa; đồng thời, phải có cơ chế thuận lợi để người dân tự tạo được việc làm nhằm giảm tới mức thấp nhất lực lượng lao động dư thừa trong xã hội. Các dự án đầu tư cần phải được lựa chọn kỹ càng, đúng hướng, tránh đầu tư tràn lan làm giảm hiệu quả sử dụng vốn. Tuy vậy, vẫn phải mạnh dạn đầu tư vốn vào những đề án thực sự cần thiết đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, cần phải tiếp tục tăng cường chống tham nhũng, chống lãng phí của công hoặc làm thất thoát tiền của của Nhà nước. Thực hiện tốt tiết kiệm trong sản xuất sẽ làm giảm chi phí đầu vào của hàng hoá, tức là sẽ hạ được giá thành sản phẩm và như vậy, cũng có nghĩa là làm tăng sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam ở thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế, góp phần khẳng định và nâng cao vị thế của nước ta trong quá trình hội nhập.

Cần phải nhấn mạnh rằng, trong điều kiện đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu, mỗi người Việt Nam không được phép quên đi truyền thống cần cù, tiết kiệm đã có từ bao đời nay của dân tộc để chạy theo lối sống hưởng thụ, xa hoa. Điều đó không chỉ khẳng định bản sắc văn hoá riêng của dân tộc, mà quan trọng hơn, còn tăng thêm nội lực cho sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên toàn cầu hoá. □

(3) Xem: *Báo Tuổi trẻ*, số ra ngày 08/04/2006, tr.3.

(4) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.5. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.637.